TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 4 - 2024
V/v"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH– TỈNH T

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Trần Phúc;

2. Bà Nguyễn Xuân Thuỷ.

***-Thư ký phiên tòa**:* Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh T.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử công khai vụ án thụ lý số: 562/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:20/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc H, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn : Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Ngọc H trình bày:

Chị H1 và anh T1 tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 05/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T. Sau khi kết hôn cuộc sống

chung lúc đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2023 hai vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến và phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không còn mang lại hạnh phúc cho nhau. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh T, chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 19/7/2015, chị H yêu cầu nuôi con, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H1 trình bày vợ chồng anh chị không có nợ ai.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc T vắng mặt không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Đ như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 51, 56 và Điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh T; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 19/7/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng. Tài sản chung; Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung: Chị H trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[**1**] Về tố tụng: Chị Lê Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anhThông.

[**2**] Về nội dung: Giữa chị H và anh T chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2014, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị H và anh T tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc. Quá trình giải quyết

vụ án anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị H, không tham gia hòa giải, xét xử vụ án, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[2.2] Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa anh chị không mang lại hạnh phúc, bởi vì chị H và anh T đã có thời gian dài sống ly thân, do đó chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[**3**] Về con chung: Chị H, anh T có 01 con chung Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 19/7/2015, chị H có nguyện vọng được nuôi con, thời gian ly thân anh T không đóng góp tiền cho chị H nuôi con, do đó xét về lợi ích mọi mặt nên giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[**4**] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho cháu T2 mỗi tháng là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[**5**] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: Chị H trình bày không có.

[**6**] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[**7**] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5; Anh T phải chịu án phí theo quy định điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 51, 56 và 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Ngọc H đối với anh Nguyễn Quốc T. Chị Lê Ngọc H và anh Nguyễn Quốc T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 19/7/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Thanh T2 mỗi tháng 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng. Bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 08/4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Lê Ngọc H phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008572 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T. Chị H đã nộp đủ án phí.

+ Anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí cho việc cấp dưỡng nuôi con 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Thành viên **Hội đồng xét xử**	**Thẩm phán** **Chủ tọa phiên tòa**
Mai Trần Phúc Nguyễn Xuân T3	Đỗ Thị H2

Nôi nhaän:
-Phòng NV- TAND tỉnh T;
-VKSND h. C, tỉnh T;
-Chi cục THADS h. C, tỉnh T;
-Các đương sự;
-Uỷ ban ND xã N, h C, t. T;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án (H3).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị H2